TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2018/DS-ST.
Ngày: 01-11-2018.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng dân sự về việc góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**.
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Bà **Mai Thị Nhặc**.
+ Ông **Nguyễn Văn Đông**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Văn Tuấn** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Diệu** - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2018 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự về việc góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 213/2018/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Mai Thị L - Sinh năm: 1969, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T - Sinh năm: 1954, địa chỉ: ấp C, xã D, huyện M, tỉnh Bến Tre (văn bản ủy quyền ngày 26/3/2018, ông T có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị L - Sinh năm: 1971, địa chỉ: ấp E, xã G, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Phạm Thanh G - Sinh năm: 1995; địa chỉ: ấp E, xã G, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 3 năm 2018, bản tự khai ngày 02 tháng 5 năm 2018, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, nguyên đơn là bà Mai Thị L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Bà Trần Thị L có tham gia chơi hụi do bà Mai Thị L làm chủ hụi đối với ba dây hụi như sau:

Dây hụi 2.000.000đồng/tháng, mở hụi ngày 19 tháng 01 âm lịch năm 2015, gồm 33 (ba mươi ba) phần, bà Trần Thị L tham gia hai phần, đã hốt hụi và có đóng hụi chết đến ngày 19 tháng 12 năm 2015 thì không đóng hụi nữa. Dây hụi này bà Trần Thị L còn thiếu bà Mai Thị L số tiền là 84.000.0000đ (tám mươi bốn triệu đồng);

Dây hụi 200.000đồng/tuần, mở hụi ngày 02 tháng 8 âm lịch năm 2015, gồm 40 (bốn mươi phần), bà Trần Thị L tham gia một phần. Bà Trần Thị L đã hốt hụi và còn thiếu bà Mai Thị L là mười bảy tuần tiền hụi chưa đóng với số tiền là 3.400.000đ (ba triệu bốn trăm ngàn đồng);

Dây hụi 200.000đồng/tuần, mở hụi ngày 19 tháng 8 âm lịch năm 2015, gồm 29 (hai mươi chín) phần, bà Trần Thị L tham gia ba phần. Bà Trần Thị L đã hốt hụi và còn thiếu lại bà Mai Thị L số tiền là 5.300.000đồng;

Như vậy, tổng cộng cả ba dây hụi thì bà Trần Thị L còn thiếu bà Mai Thị L tổng số tiền là 92.700.000đ (chín mươi hai triệu bảy trăm ngàn đồng).

Do anh G biết việc bà Trần Thị L thiếu tiền hụi của bà Mai Thị L, anh G là con ruột của bà Trần Thị L, sống chung nhà với bà Trần Thị L và bà Trần Thị L chơi hụi là để phục vụ cho hoạt động chung của gia đình nên bà Mai Thị L yêu cầu anh G cùng liên đới với bà Trần Thị L trả số tiền hụi còn thiếu là 92.700.000đ (chín mươi hai triệu bảy trăm ngàn đồng), không yêu cầu trả tiền lãi. Ngoài ra, bà Mai Thị L không yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 07 tháng 6 năm 2018 và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, bị đơn là bà Trần Thị L trình bày:

Bà đồng ý với lời trình bày của bà Mai Thị L về việc bà có tham gia chơi hụi đối với ba dây hụi mà bà Mai Thị L có yêu cầu. Trong việc chơi hụi giữa bà với bà Mai Thị L thì tổng số tiền hụi của cả ba dây hụi mà bà thiếu bà Mai Thị L là 92.700.000đ (chín mươi hai triệu bảy trăm ngàn đồng). Vào ngày 03 tháng 02 âm lịch năm 2018 thì bà có trả cho bà Mai Thị L số tiền là 1.000.000đ (một triệu đồng) nên hiện nay bà chỉ còn thiếu lại bà Mai Thị L tổng số tiền là 91.700.000đ (chín mươi mốt triệu bảy trăm ngàn đồng). Việc trả tiền cho bà Mai Thị L thì bà Mai Thị L có ghi vào tờ giấy có nội dung là: *"M 3/2/2018 AL L đưa 1 triệu - Út"*.

Trước đây khi bà bị vở nợ và bỏ đi thì bà Mai Thị L có yêu cầu anh G ghi giấy là có biết việc bà thiếu tiền hụi của bà Mai Thị L là 92.700.000đồng chứ anh G hoàn toàn không có chơi hụi với bà Mai Thị Loa, anh G không liên quan gì đến số tiền này.

Nay bà Mai Thị L khởi kiện thì bà Trần Thị Lẹ đồng ý trả cho bà Mai Thị L số tiền hụi còn thiếu là 91.700.000đ (chín mươi mốt triệu bảy trăm ngàn đồng) nhưng xin trả dần hàng tháng với mức là 500.000đồng/tháng. Ngoài ra, bà Trần Thị L không trình bày, yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Thanh G vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của anh có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Bà Mai Thị L thừa nhận bà Trần Thị L có trả cho bà Mai Thị L 1.000.000đ (một triệu đồng) nên người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là 1.000.000đ (một triệu đồng), yêu cầu bà Trần Thị L và anh G có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Mai Thị L số tiền còn thiếu là 91.700.000đ (chín mươi mốt triệu bảy trăm ngàn đồng), trả một lần, ngoài ra nguyên đơn không yêu cầu gì khác.

Bị đơn là bà Trần Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Thanh G vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 217, 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính Phủ về Họ, hụi, biêu, phường: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị L đối với số tiền là 1.000.000đ (một triệu đồng); chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị L, buộc bà Trần Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Mai Thị L số tiền hụi còn thiếu là 91.700.000đ (chín mươi mốt triệu bảy trăm ngàn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Nguyên đơn có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự về việc góp hụi đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng có địa chỉ tại ấp E, xã G, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Anh Phạm Thanh G đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn hòa giải; đồng thời bà Trần Thị L và anh G vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt bà Trần Thị L, anh G là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số nợ gốc là 1.000.000đ (một triệu đồng). Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này phù hợp với phạm vi ủy

quyền và hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ giải quyết vụ án đối với phần yêu cầu khởi kiện đã được rút tại phiên tòa.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Lời trình bày của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn về việc chơi hụi, số tiền hụi mà bị đơn còn thiếu là phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, từ đó có đủ cơ sở xác định được: Bị đơn là bà Trần Thị L có thiếu bà Mai Thị L số tiền hụi là 92.700.000đ (chín mươi hai triệu bảy trăm ngàn đồng) và ngày 03 tháng 02 âm lịch năm 2018 bà Trần Thị L có trả được 1.000.000đ (một triệu đồng), hiện nay bà Trần Thị L còn thiếu bà Mai Thị L số tiền là 91.700.000đ (chín mươi mốt triệu bảy trăm ngàn đồng).

[4.2] Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà Trần Thị L và anh Phạm Thanh G cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Mai Thị L số tiền còn thiếu là 91.700.000đ (chín mươi mốt triệu bảy trăm ngàn đồng) vì cho rằng anh G biết việc bà Trần Thị L thiếu tiền hụi của bà Mai Thị L, anh G là con ruột của bà Trần Thị L, sống chung nhà với bà Trần Thị L và bà Trần Thị L chơi hụi là để phục vụ cho hoạt động chung của gia đình. Nhưng bà Trần Thị L cho rằng đây là khoản nợ của bà, anh G không có liên quan gì đến khoản nợ này. Trong khi đó, anh G không có mặt theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của anh có liên quan đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, lời trình bày của bị đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy: Anh G là con của bà Trần Thị L, có sống chung nhà với bà Trần Thị L, nhưng anh G đã lập gia đình, có việc làm, bà Mai Thị L và bà Trần Thị L thỏa thuận với nhau về việc chơi hụi, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp (tại bút lục số 35) có nội dung: *"19-1-2016 Phạm Thanh G có biết mẹ Trần Thị L thiếu tiền út 92.700 ngàn - Chín mươi hai triệu bảy trăm"*, kết hợp với lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định được anh G chỉ biết việc bà Trần Thị L có thiếu tiền hụi của bà Mai Thị L là 92.700.000đồng chứ anh G không có tham gia vào việc thỏa thuận chơi hụi hay nhận tiền hụi; ngoài ra nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào cho thấy anh G có sử dụng số tiền hụi của bà Mai Thị L, hoặc khoản nợ trên là khoản nợ chung của bà Trần Thị L và anh G nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc anh G có nghĩa vụ liên đới với bà Trần Thị L để trả khoản nợ là 91.700.000đ (chín mươi mốt triệu bảy trăm ngàn đồng) cho bà Mai Thị L. Đây là khoản nợ của bà Trần Thị L nên bà Trần Thị L phải có nghĩa vụ trả khoản nợ này cho bà Mai Thị L.

[4.3] Bà Trần Thị L yêu cầu được trả số nợ 91.700.000đ (chín mươi mốt triệu bảy trăm ngàn đồng) nêu trên theo phương thức trả dần hàng tháng với mức là 500.000đồng/tháng nhưng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý mà yêu cầu trả một lần. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy, các dây hụi mà bà Trần Thị L tham gia chơi hụi với bà Mai Thị L hiện nay đều đã mãn hụi, như vậy số tiền 91.700.000đ (chín mươi mốt triệu bảy trăm ngàn đồng) nêu trên đã đến

hạn trả, trong khi đó bà Trần Thị L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào cho thấy giữa bà và bà Mai Thị L có thỏa thuận là bà sẽ được trả số tiền hụi còn thiếu theo phương thức là trả dần hàng tháng nên không chấp nhận yêu cầu này của bà Trần Thị L.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.317.500đ (hai triệu ba trăm mười bảy ngàn năm trăm đồng). Bị đơn là bà Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% của số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 357, 468, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 5, 147, 217, 218, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên:

1/ Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị L đối với số nợ gốc là 1.000.000đ (một triệu đồng).

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị L về việc yêu cầu anh Phạm Thanh G có nghĩa vụ liên đới với bà Trần Thị L trả số tiền là 91.700.000đ (chín mươi mốt triệu bảy trăm ngàn đồng).

3/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị L: Buộc bà Trần Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Mai Thị L số tiền là 91.700.000đ (chín mươi mốt triệu bảy trăm ngàn đồng).

4/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Mai Thị L có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Trần Thị L chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì bà Trần Thị L phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1) Hoàn trả lại cho bà Mai Thị L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 2.317.500đ (hai triệu ba trăm mười bảy ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0014851 ngày 26/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

5.2) Buộc bà Trần Thị L phải nộp 4.585.000đ (bốn triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Bà Mai Thị L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bà Trần Thị L và anh Phạm Thanh G vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc ngày bản

án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xem xét, giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

7/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Mỏ Cày Nam;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Văn Nguyên